

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-8-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Dũ.

Bà Phạm Kim Cương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Vẹn là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm B khai vụ án thụ lý số: 125/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Như A, sinh năm 1994 (Có mặt).

Cư trú: Ấp C, xã Ph, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Mai Chí B, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Cư trú: Ấp T, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2018 và trong quá trình giải quyết chị Bùi Thị Như A trình bày: Vào năm 2012 chị và anh Mai Chí B kết hôn, đăng kA kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống xảy

ra mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế, được gia đình hàn gắn nhưng không thành nên sống ly thân từ năm 2017. Xét cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không thể hàn gắn và đoàn tụ nên chị yêu cầu ly hôn với anh Mai Chí B.

Về con chung: Có 02 người tên là Mai Ngọc Anh Th, sinh ngày 02/12/2013 và Mai Phúc N, sinh ngày 15/8/2016, hiện do chị nuôi dưỡng. Nay chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Mai Chí B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Mai Chí B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay lời khai cho Tòa án đối với nội dung khởi kiện của chị Bùi Thị Như A. Tuy nhiên tại biên bản xác minh ngày 17/5/2018 và ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đối với bà Nguyễn Thị D là người gần nhà của anh Mai Chí B thì bà Nguyễn Thị D cho biết anh Mai Chí B hiện tại còn ở địa phương nhưng tại thời điểm tổng đạt thì ông B không có ở nhà nên bà nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và bà đã thông báo cho anh B biết về việc chị A khởi kiện anh B nhưng anh B không có ý kiến gì.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị A ly hôn anh B, giao hai người con chung là Mai Ngọc Anh Th và Mai Phúc N cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Đương sự chịu án phí không có giá ngạch theo quy định chung của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị Như A khởi kiện anh Mai Chí B về ly hôn, tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Mai Chí B được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xét xử vắng mặt anh B được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, chị A và anh B kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B được pháp luật B nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị A xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được và sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay nên chị yêu cầu ly

hôn với anh B nhưng anh B không có A kiến gì. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị A và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận cho chị Bùi Thị Như A ly hôn anh Mai Chí B là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, chị A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Mai Ngọc Anh Th và Mai Phúc N, anh B không có A kiến gì đối với yêu cầu của chị A. Vì vậy xét giao cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung là phù hợp và đúng theo quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Chị A xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị A chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân, chấp nhận cho chị Bùi Thị Như A ly hôn anh Mai Chí B.

2. Về con chung, giao cho chị Bùi Thị Như A trực tiếp nuôi dưỡng Mai Ngọc Anh Th, sinh ngày 02/12/2013 và Mai Phúc N, sinh ngày 15/8/2016. Anh Mai Chí B không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Mai Chí B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Chị Bùi Thị Như A chịu và được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0007060 ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Chị Bùi Thị Như A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Nhi